TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2023
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Dương Thị Kim Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trương Quang T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đình V, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/6/2017. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại gia đình anh được khoảng 3 tháng thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương ở từ đó đến nay. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng anh đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2020, chị H đi lao động tại Nhật Bản. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng,

anh và chị H đã không còn liên lạc với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 23/11/2017, hiện đang ở cùng ông bà ngoại là Phạm Văn V và Nguyễn Thị Dịu. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Khánh N vì hiện nay chị H đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi cháu N mà phải nhờ ông bà ngoại nuôi dưỡng. Mặt khác, khi anh đến thăm con, bố mẹ chị H cản trở, chửi bới, không cho anh gặp con. Nếu được nuôi con, anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định về điều kiện, thời gianư kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại nhà anh T đến khi chị sinh con thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chung thủy với chị, chị góp ý thì anh T xúc phạm, nhiều lần đánh chửi chị. Mặc dù gia đình đã can ngăn nhưng anh T vẫn tiếp tục đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Do sự việc anh T đánh đuổi chị liên tục tiếp diễn nên gia đình chị đã phải nhờ Công an xã can thiệp. Từ cuối năm 2017, bố mẹ chị đã đến đón mẹ con chị về ở tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ, anh T không tìm đón mẹ con chị về và cũng không cấp dưỡng cho con. Tháng 8/2018, anh T đi lao động tại Đài Loan. Năm 2020, anh T về nghỉ phép và đã đến gia đình chị đón con về chơi, chị đồng ý. Tuy nhiên khi chị đến gia đình anh T đón con về thì anh T và gia đình gây sự đánh chị và bố chị. Sau đó, anh T tiếp tục đi làm ăn tại Đài Loan đến khoảng giữa năm 2022 thì về nước. Bản thân chị cũng đi lao động tại Nhật Bản từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống xa cách, vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 21/11/2017, hiện đang ở cùng bố mẹ chị. Từ khi sinh con, một mình chị phải nuôi dưỡng, chăm sóc con, anh T không quan tâm, không thăm nom, chăm sóc và cũng không cấp dưỡng cho con mà thỉnh thoảng chỉ gửi cho con một vài hộp sữa. Do vậy khi ly hôn, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con tròn 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Trong thời gian chị ở Nhật Bản, chị nhờ bố mẹ thay chị chăm sóc cháu N cho đến khi chị về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Đình V trình bày: Trong thời gian chị H ở nước ngoài, ông nhất trí nhận sự ủy quyền của chị H về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi chị H về Việt Nam.

Kết quả xác minh tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương thể hiện: Anh Trương Quang T và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 2017. Quá trình chung sống giữa anh T và chị H đã xảy ra mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được. Hiện nay, anh T và chị H không còn chung sống cùng nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trước khi Tòa án mở phiên tòa, anh Trương Quang T nộp đơn trình bày ý kiến, nội dung đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị H. Về con chung: Anh nhất trí giao con chung là Trương Khánh N cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu N cho ông bà ngoại nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam. Do điều kiện công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Quang T ly hôn chị Phạm Thị H. Về con chung: Giao con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 21/11/2017 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Năm 2021, chị Phạm Thị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau khi Tòa án án thụ lý vụ án, chị H đã về Việt Nam hai lần vào các ngày 16/4/2023 và ngày 03/6/2023. Hiện nay, chị H đã quay lại Nhật Bản làm việc. Chị H có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37

của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trước khi Tòa án mở phiên tòa, anh Trương Quang T có quan điểm nhất trí giao con chung là Trương Khánh N cho chị H nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H ở nước ngoài, anh T đề nghị Tòa án tạm giao cháu N cho ông ngoại là Phạm Đình V nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX xác định ông Phạm Đình V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp cho Tòa án địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Phạm Đình V là bố đẻ của chị H để ông V thông tin lại cho chị H biết. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Quang T và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/6/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống cùng nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã xảy ra cãi nhau. Còn theo chị H trình bày là do anh T không chung thủy, nhiều lần chửi bới, đánh đập chị. Cuối năm 2017, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến năm 2021 thì đi lao động tại Nhật Bản. Nay anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau, anh T có đơn xin ly hôn thì chị H đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Anh Trương Quang T và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 23/11/2017, hiện đang ở cùng ông ngoại là Phạm Đình V. Khi ly hôn, anh T và chị H thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do chị H đang ở nước ngoài, anh T và chị H đề nghị Tòa án tạm giao cháu N cho ông Phạm Đình V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam, ông V nhất trí. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh T và chị H. Tạm giao cháu Trương Khánh N cho ông Phạm Đình V chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Trương Quang T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Quang T ly hôn chị Phạm Thị H.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 23/11/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm giao cháu N cho ông Phạm Đình V chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Trương Quang T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003935 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Quang T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Phạm Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất